

Unit 8 lớp 12 Từ vựng sách mới

Cùng Đọc tài liệu tham khảo tổng hợp từ vựng Unit 8 SGK Tiếng Anh 12 như sau:

Unit 8 lớp 12 Từ vựng

Bảng từ mới Unit 8 lớp 12 sách mới	
Từ vựng	Dịch nghĩa
academic /ˌækəˈdemɪk/(a)	học thuật, giỏi các môn học thuật
administrator/ədˈmɪnɪstreɪtə(r)/ (n)	nhân viên hành chính
align /əˈlaɪn/(v)	tuân theo, phù hợp
applicant /ˈæplɪkənt/(n)	người nộp đơn xin việc
apply /əˈplaɪ/(v)	nộp đơn, đệ trình
apprentice /əˈprentɪs/(n)	thực tập sinh, người học việc
approachable /əˈprəʊtʃəbl/(a)	dễ gần, dễ tiếp cận
articulate /ɑːˈtɪkjuleɪt/(a)	hoạt ngôn, nói năng lưu loát
barista /bəˈriːstə/ (n)	nhân viên làm việc trong quán cà phê
candidate /ˈkændɪdət/(n)	ứng viên đã qua vòng sơ tuyển
cluttered /ˈklʌtəd/(a)	lộn xộn, trông rối mắt
compassionate /kəmˈpæʃənət/(a)	thông cảm, cảm thông
colleague /ˈkɒliːg/(n)	đồng nghiệp
covering letter /ˌkʌvərɪŋ ˈletə(r)/	thư xin việc
dealership /ˈdiːləʃɪp/(n)	doanh nghiệp, kinh doanh
demonstrate /ˈdemənstreɪt/ (v)	thể hiện
entrepreneur /ˌɒntrəprəˈnɜː(r)/ (n)	nhà doanh nghiệp, người khởi nghiệp
potential/pəˈtenʃl/ (a)	tiềm năng
prioritise /praɪˈɒrətaɪz/ (v)	sắp xếp công việc hợp lý, ưu tiên việc quan trọng trước

Bảng từ mới Unit 8 lớp 12 sách mới	
Từ vựng	Dịch nghĩa
probation /prə'beɪʃn/(n)	sự thử việc, thời gian thử việc
qualification /ˌkwɒlɪfɪ'keɪʃn/ (n)	trình độ chuyên môn bằng cấp
recruit /rɪ'kru:t/(v)	tuyển dụng
relevant /'reləvənt/ (a)	thích hợp, phù hợp
shortlist /'ʃɔ:tlɪst/ (v)	sơ tuyển
specialise /'speʃəlaɪz/ (v)	chuyên về lĩnh vực nào đó
tailor /'teɪlə(r)/(v)	điều chỉnh cho phù hợp
trailer /'treɪlə(r)/(n)	xe móc, xe kéo
tuition /tju'ɪʃn/ (n)	học phí
unique /ju'ni:k/(a)	đặc biệt, khác biệt, độc nhất
well-spoken /ˌwel 'spəʊkən/(a)	nói hay, nói với lời lẽ trau chuốt

Trên đây là tổng hợp các từ vựng có trong Unit 8 lớp 12 mà các em cần ghi nhớ. Để ghi nhớ tốt hơn kiến thức các em có thể tải file tải liệu đính kèm bên dưới nhé!

- [giải tiếng anh 12](#) - Đọc tài liệu